

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2023-2024)
LỚP K16A-D1A (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)

				Số Đvht :										
				3	4	5	3	5	2					
				Số thứ tự :										
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)					
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	TH	GPSL	DL	HS	DLĐC	TACN	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
1	16011000	Nguyễn Thị Lan	Anh	02/05/2002	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
2	16011001	Tô Thị Kiều	Anh	21/02/2003	8.3	6.9	7.7	8.4	7.7	6.4	7.6	Khá		
3	16011007	Đặng Linh	Chi	19/09/2004	8.7	7.9	7.5	8.4	7.8	6.7	7.9	Khá		
4	16011004	Võ Thanh	Cường	29/10/2004	0.0	2.4	4.2	3.2	3.8	2.0	2.9	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
5	16011003	Nguyễn Minh Tiến	Đạt	21/06/2003	9.5	6.6	8.2	7.6	8.2	7.3	7.9	Khá		
6	16011004	Nguyễn Kim	Dung	05/10/1993	8.3	8.4	8.3	8.3	8.2	7.7	8.2	Giỏi		
7	16011008	Kiều Trần Tùng	Dương	01/08/2004	8.3	0.0	0.9	0.0	3.6	2.0	2.3	Yếu		5=83.3%(2:0)(4:0)(6:0)
8	16011021	Hạ Ánh	Dương	11/10/2004	8.8	8.0	8.1	8.2	8.0	7.0	8.1	Giỏi		
9	16011008	Vũ Thị Hương	Giang	16/04/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
10	16011000	Ngô Thị Thu	Hà	20/03/2003	8.4	8.5	7.5	8.0	7.8	7.0	7.9	Khá		
11	16011008	Nguyễn Thị	Hải	07/04/2004	8.3	7.8	7.2	8.4	7.7	7.1	7.7	Khá		
12	16011007	Cử Thu	Hằng	11/09/2003	8.8	7.4	7.7	8.1	7.9	7.0	7.8	Khá		
13	16011001	Nguyễn Thị	Hạnh	18/03/2003	8.3	7.5	4.4	7.9	7.5	7.0	6.9	T.bình khá		1=16.7%
14	16011006	Trần Thị Thu	Hiền	02/05/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	1.7	0.0	0.4	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
15	16011002	Nguyễn Thanh	Hoa	05/05/2002	0.0	3.2	4.9	2.9	7.9	2.7	4.1	Yếu		5=83.3%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
16	16011004	Đặng Thị	Hoàn	03/07/2003	8.4	7.9	7.8	8.3	8.2	7.3	8.0	Giỏi		
17	16011038	Bùi Đăng	Hoàng	10/09/2004	0.0	2.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.4	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
18	16011002	Lê Thị	Hội	06/05/1987	8.5	7.6	8.3	8.2	8.2	6.7	8.0	Giỏi		
19	16011000	Hoàng Thị	Lệ	22/12/2000	8.4	8.6	4.8	8.3	8.1	7.0	7.4	Khá		1=16.7%

			Số Đvht :	3	4	5	3	5	2				
			Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)				
TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	TH	GPSL	DL	HS	DLĐC	TACN	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
20	16011000	Hoàng Thảo Linh	26/12/2003	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
21	16011002	Lê Thị Phương	07/02/2003	7.9	8.6	7.6	8.3	7.6	6.9	7.9	Khá		
22	16011002	Đào Thị	29/08/2002	8.3	8.4	8.0	8.0	8.0	7.6	8.1	Giỏi		
23	16011003	Nguyễn Thị	29/12/2003	7.5	8.4	6.9	8.4	7.8	7.6	7.7	Khá		
24	16011003	Hoàng Khánh	27/03/2003	8.5	8.5	7.5	8.4	8.0	7.6	8.1	Giỏi		
25	16011005	Hoàng Thị Hoài	08/06/2004	8.0	7.9	7.6	8.4	7.8	7.0	7.8	Khá		
26	16011005	Nguyễn Thị Thu	19/05/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>1.7</u>	<u>0.0</u>	0.4	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
27	16011007	Nguyễn Thị Hồng	18/12/2004	8.9	8.6	<u>4.1</u>	8.0	7.8	<u>2.7</u>	6.8	T. bình khá		2=33.3%(6:0)
28	16011006	Trương Trà My	27/08/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>1.6</u>	<u>0.0</u>	0.4	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)